

TÁC ĐỘNG CỦA BIỆN PHÁP PHI THUẾ QUAN UKVFTA ĐẾN TIẾP CẬN THỊ TRƯỜNG VƯƠNG QUỐC ANH CỦA DOANH NGHIỆP VIỆT NAM DỆT MAY

HOÀNG ĐÀO MỸ DUYÊN
Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh
VŨ THANH HUYỀN
DƯƠNG NGỌC ANH
Trường Đại học Luật Hà Nội

Nhận bài ngày 25/6/2026. Sửa chữa xong 10/7/2026. Duyệt đăng 15/7/2026.

Abstract

As new-generation free trade agreements continue to broaden their regulatory scope, non-tariff measures (NTMs) have become increasingly important instruments of trade governance. This article examines the NTMs established under the United Kingdom–Viet Nam Free Trade Agreement (UKVFTA) and relevant UK regulations applicable to Vietnamese textile and garment exports, focusing on rules of origin and technical barriers to trade (TBT). Through an analysis of the applicable legal provisions and export practices, the study evaluates the impact of these measures on Vietnamese enterprises' access to the UK market.

Keywords: International trade, market access, non-tariff measures, textile and garment products, UKVFTA.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh các hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới ngày càng mở rộng phạm vi điều chỉnh, các biện pháp phi thuế quan (NTMs) có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng tiếp cận thị trường của hàng hóa xuất khẩu. Sau khi Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Vương quốc Anh (UKVFTA) có hiệu lực từ năm 2021, ngành dệt may Việt Nam được hưởng nhiều ưu đãi thuế quan khi xuất khẩu sang Vương quốc Anh nhưng đồng thời phải đáp ứng các yêu cầu về quy tắc xuất xứ và tiêu chuẩn kỹ thuật. Bài viết phân tích các biện pháp phi thuế quan trong UKVFTA, đánh giá tác động đến khả năng tiếp cận thị trường UK của doanh nghiệp dệt may Việt Nam và đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi hiệp định.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Định nghĩa về các biện pháp phi thuế quan trong thương mại quốc tế

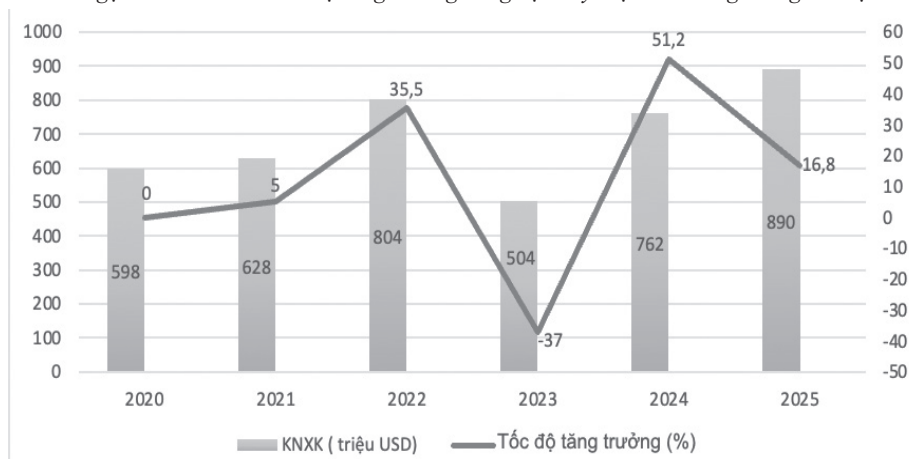
Hiện nay, pháp luật thương mại quốc tế vẫn chưa hình thành một khái niệm thống nhất và được thừa nhận rộng rãi về các biện pháp phi thuế quan. Theo Hội nghị Liên hợp quốc về Thương mại và Phát triển (United Nations Conference on Trade and Development – UNCTAD) (2012), các biện pháp phi thuế quan (NTMs) là các biện pháp không phải biện pháp thuế quan, nhưng “có thể tác động kinh tế lên việc trao đổi hàng hóa giữa các quốc gia (Trung tâm WTO và Hội nhập VCCI, 2021). Theo quan điểm của nhóm tác giả, các biện pháp phi thuế quan nên được hiểu là toàn bộ các công cụ quản lý thương mại do Nhà nước hoặc cơ quan có thẩm quyền ban hành, không mang bản chất thu thuế đối với hàng hóa xuất khẩu hoặc nhập khẩu nhưng có khả năng tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến dòng chảy thương mại quốc tế. Hiện nay, UNCTAD phân loại NTMs thành 02 nhóm: (i) Các biện pháp kỹ thuật và (ii) Các biện pháp phi kỹ thuật.

Email: hdmduyen.hcmulaw@gmail.com.

2.2. Tổng quan về thực trạng xuất khẩu hàng dệt may Việt Nam sang thị trường UK

2.2.1. Kim ngạch xuất khẩu giai đoạn 2021-2025

Biểu đồ 1: Kim ngạch xuất khẩu và tốc độ tăng trưởng hàng dệt may Việt Nam sang Anh giai đoạn 2020-2025.

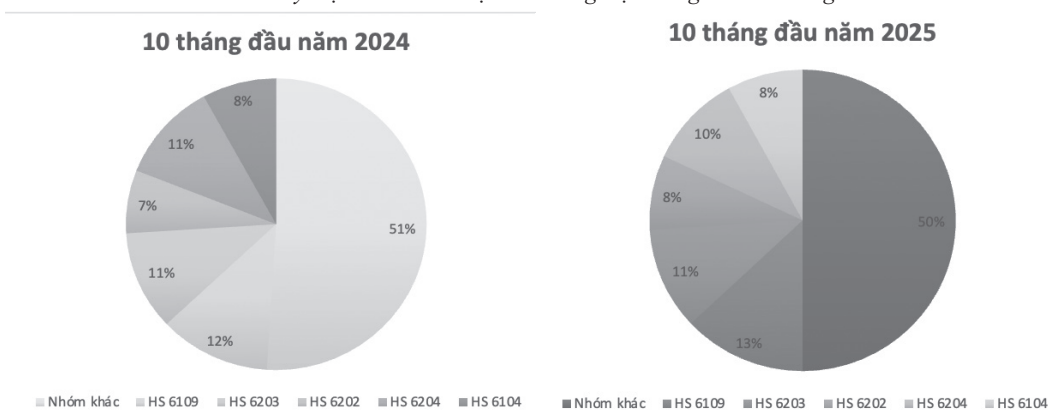


(Nguồn: Hiệp hội Dệt may Việt Nam, 2026)

Giai đoạn 2020–2025, kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam sang Anh có xu hướng tăng về dài hạn nhưng biến động mạnh theo từng năm. Năm 2020, kim ngạch đạt 598 triệu USD và gần như đi ngang (0%). Sang năm 2021 – thời điểm UKVFTA chính thức có hiệu lực – xuất khẩu tăng lên 628 triệu USD (tăng 5%), cho thấy dấu hiệu phục hồi và cải thiện đơn hàng sau giai đoạn chịu tác động từ COVID-19, đồng thời phản ánh kỳ vọng thuận lợi hơn về môi trường tiếp cận thị trường. Tuy nhiên, năm 2023 ghi nhận sự sụt giảm rõ rệt khi kim ngạch giảm xuống 504 triệu USD (tăng trưởng -37%), phản ánh mức độ nhạy cảm của xuất khẩu dệt may trước biến động nhu cầu và bối cảnh kinh tế. Sau đó, xuất khẩu phục hồi nhanh trong năm 2024 với kim ngạch đạt 762 triệu USD và tốc độ tăng 51.2% (cao nhất giai đoạn), trước khi tiếp tục tăng lên 890 triệu USD năm 2025; dù vậy, tốc độ tăng trưởng giảm còn 16.8%, cho thấy đà phục hồi đã chậm lại. Tổng thể, số liệu cho thấy thị trường Anh vẫn là điểm đến có dư địa tăng trưởng cho dệt may Việt Nam nhưng tăng trưởng không ổn định. Vì vậy, bên cạnh yếu tố thuế quan, việc đáp ứng và tận dụng hiệu quả các yêu cầu/biện pháp phi thuế quan trong khuôn khổ UKVFTA có thể là một trong những điều kiện quan trọng giúp doanh nghiệp nâng khả năng tiếp cận thị trường và duy trì tăng trưởng bền vững.

2.2.2. Cơ cấu mặt hàng xuất khẩu

Biểu đồ 2: So sánh cơ cấu mặt hàng xuất khẩu Việt Nam sang thị trường Anh 10 tháng đầu năm 2024 và 2025



(Nguồn: Hiệp hội Dệt may Việt Nam, 2026)

Biểu đồ cho thấy cơ cấu theo trị giá các chủng loại dệt may Việt Nam được Anh nhập khẩu trong 10 tháng đầu năm 2024 và 10 tháng đầu năm 2025 nhìn chung ổn định, với mức dịch chuyển tỷ trọng không đáng kể giữa các nhóm hàng. Đặc biệt, nhóm “khác” chiếm tỷ trọng áp đảo và duy trì quanh một nửa tổng trị giá (51% năm 2024 và 50% năm 2025), phản ánh danh mục mặt hàng đa dạng và cơ cấu nhập khẩu mang tính phân tán theo nhiều mã HS, thay vì tập trung vào một số dòng sản phẩm chủ lực.

Về hàm ý đối với khả năng tiếp cận thị trường Anh trong bối cảnh UKVFTA, cơ cấu “phân tán” với tỷ trọng lớn thuộc nhóm “khác” cho thấy doanh nghiệp Việt Nam khi khai thác thị trường Anh không chỉ cạnh tranh ở một vài sản phẩm mũi nhọn, mà cần duy trì năng lực toàn thủ trên diện rộng đối với nhiều nhóm HS. Điều này làm gia tăng vai trò của các yếu tố phi thuế quan-chẳng hạn quy tắc xuất xứ, yêu cầu kỹ thuật/tiêu chuẩn chất lượng, quy định nhãn mác, trách nhiệm xã hội và truy xuất nguồn gốc-vì chi phí tuân thủ và rủi ro bị “kẹt cửa” có thể phát sinh ở nhiều phân khúc sản phẩm, không chỉ ở nhóm có tỷ trọng cao.

2.3. Thực trạng áp dụng các biện pháp phi thuế quan của UK đối với hàng dệt may Việt Nam

Thứ nhất, về quy tắc xuất xứ và điều kiện hưởng ưu đãi theo UKVFTA, hàng may mặc khi xuất khẩu sang Anh muốn được áp dụng thuế suất ưu đãi phải đáp ứng tiêu chí xuất xứ theo quy định. Cụ thể, quy định về tiêu chí xuất xứ trong UKVFTA áp dụng tiêu chuẩn “hai công đoạn”, tức là công đoạn sản xuất vải và công đoạn may thành phẩm phải được thực hiện tại Việt Nam hoặc Anh (UKVFTA, 2020)¹, vải dùng để may theo quy định xuất xứ nêu trên phải có nguồn gốc tại Việt Nam hoặc Anh.

Thứ hai, về tiêu chuẩn kỹ thuật và an toàn sản phẩm, hàng dệt may xuất khẩu sang Anh phải đáp ứng các yêu cầu về kiểm soát hóa chất, bảo đảm an toàn sản phẩm và cung cấp đầy đủ hồ sơ chứng minh tuân thủ khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu (Health and Safety Executive, 2025; UK Government, 2024). Các quy định này làm tăng chi phí tuân thủ nhưng đồng thời góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm và khả năng tiếp cận bền vững thị trường Anh.

Thứ ba, về tiêu chuẩn an toàn, năm 2005, nhằm bảo đảm các sản phẩm tiêu dùng không gây hư hại khi lưu hành tại Anh, Quy định chung về an toàn sản phẩm (GPSR) đã được đặt ra. Trong trường hợp chưa có quy định pháp luật cụ thể, GPSR được xem như quy định mặc định để thực thi các yêu cầu và tiêu chuẩn bảo vệ sản phẩm. Quy định này áp dụng cho phần lớn sản phẩm thời trang, trừ các trường hợp sản phẩm may mặc đã chịu sự điều chỉnh của các quy định pháp luật khác của Anh (UK Government, 2024). Do đó, GPSR cũng sẽ ảnh hưởng đến sản phẩm may mặc. Ví dụ, một số sản phẩm may mặc có thể chịu tác động của GPSR như áo lót nữ có đai và thắt lưng.

Thứ tư, về ghi nhãn và thông tin thành phần sợi, hàng dệt may khi lưu hành tại Anh nhìn chung phải bảo đảm thể hiện rõ thành phần/hàm lượng sợi và các thông tin cần thiết trên nhãn (trừ các trường hợp ngoại lệ theo quy định) (UK, 2012)².

Anh không ban hành quy định mới liên quan đến nhãn mác quần áo và dệt may. Do đó, Quy định (EU) số 1007/2011 về ghi nhãn hàng dệt và hàm lượng sợi vẫn được áp dụng trong khuôn khổ Quy định về Dệt may (Ghi nhãn và Hàm lượng sợi). Tuy nhiên, Bắc Ireland thực hiện theo quy định của EU nên không chịu tác động từ quy định trên. Theo đó, hầu hết sản phẩm dệt may lưu hành tại Anh phải ghi rõ thành phần sợi theo tỷ lệ phần trăm, sử dụng tên các loại sợi theo quy định, đồng thời bảo đảm các yêu cầu về ghi nhãn đối với sản phẩm có nguồn gốc động vật và các trường hợp đặc thù khác theo quy định của pháp luật.

Quy định đối với thành phần của sợi: Quy định hiện hành yêu cầu sản phẩm dệt may sử dụng tên các loại sợi theo Phụ lục I Quy định (EU) số 1007/2011 và ghi rõ thành phần, tỷ lệ phần trăm của từng loại sợi trên nhãn. Đối với một số sản phẩm hoặc thành phần có nguồn gốc động vật, doanh nghiệp phải thực hiện ghi nhãn riêng theo quy định nhằm bảo đảm cung cấp đầy đủ thông tin cho người tiêu dùng.

1) UKVFTA (2020). *Nghị định thư 1 về định nghĩa khái niệm “sản phẩm có xuất xứ” và phương thức hợp tác hành chính*, Điều 2(b) và Điều 5(1). <https://trungtamwto.vn/file/20320/protocol-1.pdf>.

2) UK (2012). *The Textile Products (Labelling and Fibre Composition) Regulations 2012 (UKSI 2012/1102)*. <https://www.legislation.gov.uk/uksi/2012/1102/contents>, truy cập ngày 30/05/2026.

2.4. Tác động của các biện pháp phi thuế quan trong UKVFTA đến khả năng tiếp cận thị trường Vương quốc Anh của doanh nghiệp Việt Nam đối với mặt hàng dệt may

2.4.1. Quy tắc xuất xứ trong UKVFTA vừa là rào cản tiếp cận ưu đãi thuế quan trong ngắn hạn nhưng đồng thời tạo động lực tái cấu trúc chuỗi giá trị dệt may theo hướng tự chủ nguyên liệu

Căn cứ quy định tại Phụ lục II Nghị định thư 1 của Hiệp định, sản phẩm dệt may thuộc Chương 61 và Chương 62 phải đáp ứng quy tắc xuất xứ “từ vải trở đi”, yêu cầu các công đoạn sản xuất quan trọng phải được thực hiện trong phạm vi các quốc gia được công nhận xuất xứ theo Hiệp định. Đồng thời, Điều 3 Nghị định thư cho phép áp dụng cơ chế cộng gộp xuất xứ đối với một số nguồn nguyên liệu từ Liên minh châu Âu, Hàn Quốc hoặc Nhật Bản.

Sự phụ thuộc vào nguyên liệu nhập khẩu khiến nhiều doanh nghiệp khó đáp ứng quy tắc xuất xứ, làm giảm khả năng hưởng ưu đãi thuế quan theo UKVFTA. Khi đó, hàng dệt may Việt Nam phải chịu thuế nhập khẩu thông thường, làm giảm lợi thế cạnh tranh về giá. Đối với các doanh nghiệp gia công có biên lợi nhuận thấp, điều này có thể dẫn đến mất đơn hàng vào các quốc gia được hưởng GSP+ như Bangladesh và Pakistan, đồng thời thu hẹp khả năng thâm nhập thị trường Vương quốc Anh (Ngô Thị Tuyết Mai, Đỗ Thị Trang, 2022, tr. 69–70).

Về dài hạn, quy tắc xuất xứ tạo động lực nâng cao tỷ lệ nội địa hóa, tăng tính tự chủ về nguyên liệu và giảm phụ thuộc vào nguồn cung bên ngoài (Hà Văn Hội, 2021:10–19; Ngô Thị Tuyết Mai, Đỗ Thị Trang, 2022, tr. 70). Đồng thời, việc gắn ưu đãi thuế quan với khả năng đáp ứng quy tắc xuất xứ thúc đẩy đầu tư vào các khâu thượng nguồn của ngành dệt may, qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh và khả năng tiếp cận bền vững thị trường Vương quốc Anh (Nguyễn Thị Thu Hoàn, 2023, tr. 233).

2.4.2. Các rào cản kỹ thuật và các yêu cầu về chất lượng vừa làm gia tăng chi phí tuân thủ nhưng cũng tái định hình tiêu chuẩn cạnh tranh trên thị trường Vương quốc Anh

Bên cạnh quy tắc xuất xứ, UKVFTA còn đặt ra các tiêu chuẩn kỹ thuật nghiêm ngặt về giới hạn hóa chất, an toàn sản phẩm, ghi nhãn và truy xuất nguồn gốc. Đối với các doanh nghiệp dệt may Việt Nam, đặc biệt là doanh nghiệp gia công, việc đáp ứng các yêu cầu này đòi hỏi đầu tư vào công nghệ, quản lý chất lượng và kiểm soát sản xuất. Trong ngắn hạn, điều này làm tăng chi phí tuân thủ, giảm biên lợi nhuận và gia tăng nguy cơ hàng hóa bị từ chối nhập khẩu, qua đó ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh trên thị trường Anh (Ngô Thị Tuyết Mai, Đỗ Thị Trang, 2022, tr. 66; Trần Thùy Linh, Đỗ Đức Bình, 2024, tr. 31).

Về dài hạn, các tiêu chuẩn này tạo ra cơ chế sàng lọc thị trường, buộc doanh nghiệp phải chuyển từ cạnh tranh bằng chi phí thấp sang cạnh tranh bằng công nghệ, chất lượng và phát triển bền vững (Trần Thùy Linh, Đỗ Đức Bình, 2024, tr. 31). Doanh nghiệp đầu tư vào đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và sản xuất bền vững sẽ củng cố năng lực cạnh tranh và duy trì khả năng tiếp cận thị trường Vương quốc Anh.

2.4.3. Các tiêu chuẩn lao động và môi trường đang chuyển hóa từ yêu cầu thành điều kiện để tiếp cận thị trường

UKVFTA lồng ghép các cam kết về thương mại và phát triển bền vững, yêu cầu doanh nghiệp tuân thủ các tiêu chuẩn về môi trường và lao động theo các công ước cốt lõi của ILO. Mặc dù làm gia tăng chi phí tuân thủ trong ngắn hạn, các quy định này thúc đẩy chuyển đổi sang sản xuất xanh, nâng cao năng lực cạnh tranh và tạo điều kiện để doanh nghiệp dệt may Việt Nam tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng, tiếp cận các phân khúc có giá trị gia tăng cao tại thị trường Vương quốc Anh.

2.4.4. Các biện pháp phi thuế quan thúc đẩy quá trình chuyển đổi mô hình sản xuất từ gia công truyền thống sang kiểm soát chuỗi giá trị và quản trị chuỗi cung ứng hiện đại

Điều 19 và Điều 25 Nghị định thư 1 của UKVFTA yêu cầu nhà xuất khẩu lập chứng từ xuất xứ và lưu giữ đầy đủ hồ sơ chứng minh nguồn gốc nguyên liệu, quy trình sản xuất. Để đáp ứng các yêu cầu này, doanh nghiệp cần chuyển từ gia công sang các mô hình có giá trị gia tăng cao hơn như FOB hoặc ODM nhằm chủ động quản lý nguyên liệu, chất lượng và truy xuất nguồn gốc (Ngô Thị Tuyết Mai, Đỗ Thị Trang, 2022, tr. 67, 183). Về dài hạn, các quy định này thúc đẩy nâng cao năng lực quản trị chuỗi cung ứng, gia tăng giá trị sản phẩm và củng cố khả năng tiếp cận bền vững thị trường Vương quốc Anh (Phan Thanh Hoàn, 2017, tr. 183).

2.5. Kiến nghị hoàn thiện và thực thi pháp luật các biện pháp phi thuế quan trong UKVFTA

2.5.1. Kiến nghị đối với cơ quan quản lý nhà nước

Thứ nhất, thực hiện phát triển năng lực sản xuất nguyên phụ liệu trong nước nhằm nâng cao khả năng đáp ứng quy tắc xuất xứ và gia tăng hiệu quả tận dụng các ưu đãi thuế quan từ UKVFTA. Để khắc phục tình trạng này, Nhà nước cần có chính sách thu hút cả vốn đầu tư nước ngoài và vốn trong nước vào các lĩnh vực sản xuất xơ sợi, dệt và nhuộm; đồng thời thiết kế các cơ chế ưu đãi về tín dụng, thuế, đất đai và hạ tầng nhằm khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào các khâu thượng nguồn. Song song với đó, cần quy hoạch các khu công nghiệp dệt may chuyên biệt gắn với hệ thống xử lý môi trường tập trung đạt chuẩn quốc tế nhằm tháo gỡ điểm nghẽn của ngành dệt nhuộm. Về dài hạn, việc phát triển chuỗi cung ứng nguyên liệu trong nước không chỉ nâng cao khả năng chứng minh xuất xứ mà còn gia tăng giá trị gia tăng nội địa, giảm phụ thuộc vào nguồn cung bên ngoài và nâng cao vị thế của ngành trong chuỗi giá trị toàn cầu.

Thứ hai, hoàn thiện các khung pháp lý và thực hiện hài hòa hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật với Anh nhằm giảm thiểu các rào cản phi thuế quan và bảo đảm tính ổn định của hoạt động xuất khẩu. Cơ quan quản lý cần đẩy mạnh rà soát, sửa đổi và nội luật hóa các tiêu chuẩn quốc tế liên quan đến chất lượng, hóa chất, môi trường và phát triển bền vững; đồng thời thúc đẩy ký kết các thỏa thuận công nhận lẫn nhau về thử nghiệm và đánh giá sự phù hợp với Vương quốc Anh nhằm giảm kiểm tra lặp lại và chi phí tuân thủ.

Thứ ba, thực hiện nâng cao hiệu quả hỗ trợ doanh nghiệp trong quá trình tiếp cận và thực thi các cam kết phi thuế quan để chuyển hóa các ưu đãi từ UKVFTA thành lợi ích thương mại thực tế. Cơ quan quản lý và các hiệp hội ngành hàng cần tăng cường cung cấp thông tin, đào tạo chuyên sâu và xây dựng cơ chế cảnh báo sớm đối với những thay đổi về tiêu chuẩn kỹ thuật, quy tắc xuất xứ và yêu cầu pháp lý của thị trường Anh.

2.5.2. Kiến nghị đối với doanh nghiệp

Thứ nhất, doanh nghiệp cần thiết lập năng lực tuân thủ như một chức năng quản trị cốt lõi thay vì hoạt động hỗ trợ. Doanh nghiệp cần xây dựng và phát triển một bộ phận chuyên trách về nghĩa vụ tuân thủ. Các trọng tâm nhiệm vụ của bộ phận này không chỉ là nắm vững cam kết thuế quan, mà còn là cập nhật thường xuyên các yêu cầu về quy tắc xuất xứ, tiêu chuẩn kỹ thuật - an toàn sản phẩm, ghi nhãn, quản lý hóa chất và các quy định về phát triển bền vững bởi việc “chuẩn hóa tuân thủ” giúp giảm rủi ro bị bác ưu đãi, bị đình chỉ thông quan hoặc bị thu hồi sản phẩm, đồng thời giảm chi phí giao dịch khi làm việc với nhà nhập khẩu và cơ quan kiểm tra của UK.

Thứ hai, doanh nghiệp nên chủ động tái cấu trúc chuỗi cung ứng để đáp ứng quy tắc xuất xứ và tối đa hóa khả năng hưởng ưu đãi thuế quan. Trước yêu cầu xuất xứ theo hướng “từ vải trở đi” đối với nhiều mặt hàng Chương 61-62, doanh nghiệp cần xây dựng chiến lược nguyên liệu theo hai hướng: (i) tăng tỷ lệ nguyên liệu có xuất xứ phù hợp (trong nước hoặc nguồn được cộng gộp hợp lệ), và (ii) quản trị rủi ro nguồn cung bằng hợp đồng dài hạn/đa dạng hóa nhà cung cấp. Doanh nghiệp nên ưu tiên các mô hình hợp tác theo cụm (liên kết sợi-dệt-nhuộm-may; hoặc liên kết với nhà cung cấp vải đáp ứng điều kiện cộng gộp) nhằm giảm “điểm nghẽn vải”. Về ngắn hạn, nhà xuất khẩu cần đánh giá từng dòng sản phẩm theo mã HS để lựa chọn đơn hàng có xác suất đáp ứng quy tắc xuất xứ cao; về dài hạn, cần đầu tư hoặc liên kết đầu tư vào khâu thượng nguồn để nâng tính tự chủ.

Thứ ba, các nhà xuất khẩu nên duy trì đầu tư có trọng điểm vào hệ thống quản lý chất lượng, quản lý hóa chất và kiểm nghiệm để đáp ứng các yêu cầu TBT và an toàn sản phẩm. Doanh nghiệp cần chuyển từ tư duy “đáp ứng theo từng lô hàng” sang tư duy “hệ thống”: áp dụng quy trình quản lý hóa chất, kiểm soát nguy cơ tồn dư hóa chất/kim loại nặng trong vải, thuốc nhuộm, chất hoàn tất và phụ kiện; đồng thời thiết lập tiêu chuẩn kiểm tra chất lượng đầu vào - đầu ra. Các khoản đầu tư vào kiểm nghiệm và quản lý chất lượng có thể làm tăng chi phí ngắn hạn nhưng giúp giảm chi phí rủi ro (bị trả hàng/thu hồi/gián đoạn đơn hàng) và nâng độ tin cậy với các nhà phân phối lớn ở Anh.

Thứ tư, doanh nghiệp cần đẩy mạnh quản trị quan hệ với đối tác nhập khẩu tại UK đồng thời nhạy cảm hơn trước chính sách, thông tin thị trường. Doanh nghiệp cần chủ động cập nhật biến động nhu cầu, tiêu chuẩn kỹ thuật và kỳ vọng của nhà bán lẻ/nhà nhập khẩu (đặc biệt trong bối cảnh lạm phát và thay đổi hành vi tiêu dùng), đồng thời xây dựng cơ chế tiếp nhận phản hồi sau bán, quy trình xử lý khiếu nại/chất lượng, và kênh liên lạc nhanh với đối tác để hạn chế thiệt hại nếu phát sinh rủi ro tuân thủ.

3. Kết luận

UKVFTA mang lại nhiều cơ hội cho ngành dệt may Việt Nam thông qua các ưu đãi thuế quan, đồng thời đặt ra yêu cầu cao về quy tắc xuất xứ và tiêu chuẩn kỹ thuật. Các biện pháp phi thuế quan vừa tạo ra thách thức về chi phí tuân thủ, vừa thúc đẩy doanh nghiệp nâng cao chất lượng sản phẩm và năng lực cạnh tranh. Để tận dụng hiệu quả UKVFTA, cần có sự phối hợp giữa Nhà nước và doanh nghiệp trong việc hoàn thiện khung pháp lý, nâng cao năng lực đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế và phát triển chuỗi cung ứng bền vững.

Tài liệu tham khảo

- Hiệp hội Dệt may Việt Nam (2026). *Bản tin - Thống kê tổng quan ngành dệt may Việt Nam*. http://www.vietnamtextile.org.vn/hiiep-hoi-det-may-viet-nam_p1_1-1_2-1.html, truy cập ngày 24/05/2026.
- Health and Safety Executive (2025). *Restrictions under REACH*. <https://www.hse.gov.uk/reach/restrictions.htm>, truy cập ngày 28/05/2026.
- Hà Văn Hội (2021). Cơ hội và thách thức đối với xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Anh sau khi Hiệp định thương mại tự do Việt Nam và Vương quốc Anh được ký kết. *Tạp chí Kinh tế & Kinh doanh*, 1(1), tr.10-19.
- Ngô Thị Tuyết Mai, Đỗ Thị Trang (2022). Tác động của UKVFTA đến xuất khẩu hàng may mặc của Việt Nam sang thị trường Vương quốc Anh. *Tạp chí Kinh tế và Phát triển (JED)*, tr. 62–71.
- Nguyễn Thị Thu Hoàn (2023). Vietnam and the “new generation” FTAs: Trends and solutions. *Экономика и социум. Tạp chí Kinh tế và Xã hội*, 2(105), tr. 226-244.
- UKVFTA (2020). *Nghị định thư 1 về định nghĩa khái niệm “sản phẩm có xuất xứ” và phương thức hợp tác hành chính, Điều 2(b) và Điều 5(1)*. <https://trungtamwto.vn/file/20320/protocol-1.pdf>, truy cập ngày 24/05/2026.
- UK (2012). *The Textile Products (Labelling and Fibre Composition) Regulations 2012 (UKSI 2012/1102)*. <https://www.legislation.gov.uk/uksi/2012/1102/contents>, truy cập ngày 28/05/2026.
- UK Government (2024). *General Product Safety Regulations 2005: Great Britain*. <https://www.gov.uk/government/publications/general-product-safety-regulations-2005/general-product-safety-regulations-2005-great-britain>, truy cập ngày 28/05/2026.
- Trần Thùy Linh, Đỗ Đức Bình (2024). Các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển xuất khẩu bền vững hàng dệt may của Việt Nam sang EU. *Tạp chí Kinh tế và Phát triển (JED)*, tr. 29-39.
- Trung tâm WTO và Hội nhập VCCI (2021). *EVFTA và ngành rau quả Việt Nam: Tổng quan và tình hình áp dụng các biện pháp phi thuế quan của EU*. <https://trungtamwto.vn/chuyen-de/17730-evfta-va-nganh-rau-qua-viet-nam-tong-quan-va-tinh-hinh-ap-dung-cac-bien-phap-phi-thue-quan-cua-eu>, truy cập ngày 20/05/2026.